



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian: 8h00', thứ sáu ngày 25 tháng 4 năm 2025

Địa điểm: Hội trường số 1, Văn phòng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
1	Từ 8h30' đến 11h30	- Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông - Kiểm tra thông tin cổ đông	Ban tổ chức Ban KT thông tin CD	
2		- Chào cờ - Báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức Ban KT thông tin CD	
3		- Giới thiệu đại biểu - Mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức	
4		- Khai mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	
		- Giới thiệu, thông qua Tổ thư ký - Giới thiệu, thông qua Ban kiểm phiếu		Thẻ biểu quyết
		- Thông qua chương trình Đại hội		Thẻ biểu quyết
5		- Trình bày Quy chế tổ chức Đại hội	Ban tổ chức	
6		- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
7		- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
8		- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2024	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
9		- Tờ trình thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024. Kế hoạch thực hiện năm 2025	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
10		- Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
11	- Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết	
12	- Phê duyệt Kế hoạch ĐTXD 2025			

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
13		- Báo cáo của HĐQT về đánh giá thực trạng quản lý năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
14		- Báo cáo BKS về hoạt động năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025	Trưởng BKS	Thẻ biểu quyết
15		- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025		Thẻ biểu quyết
16		- Thảo luận các nội dung Báo cáo, tờ trình (STT từ 10-12)	Chủ tọa Đại hội	
17		- Nghỉ giải lao.		
18		- Biên bản kiểm phiếu các nội dung đã trình tại ĐH	Ban kiểm phiếu	
19		- Trình bày và thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
20		- Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công, tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, ĐIỀU KIỆN
NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 19/3/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người

khác dự họp Đại hội đồng cổ đông, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân/ thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông: (i) nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; (ii) nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội đồng cổ đông không nhận Thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa đại hội có thể mời 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành Công ty để cùng điều hành Đại hội.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

- a) Chủ trì, điều khiển Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
- c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;

c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 7 Điều 19, Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước Đại hội đồng cổ đông về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 07 (bảy) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm số thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng

minh thư nhân dân/ thẻ CCCD hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử, các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 19/3/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì việc triệu tập và Đại hội đồng cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý

nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá năm (5) phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết (nội dung giơ thẻ được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Điều kiện thông qua

Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội

a) Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và công bố thông tin theo quy định.

2. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico bao gồm 04 chương, 17 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này. /.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ năm 2025;
- Cổ đông;
- Lưu: VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyền



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

Số: 876 /TTr - TMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 3 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã kiểm toán, Báo cáo tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán được Công ty đăng tại địa chỉ website <http://kimloaimau.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu: VP, P. TCKT, Thư ký Công ty. *LB*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Signature]*



[Signature]
Lý Xuân Tuyên

Số: 877/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 với các nội dung cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2024
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	86 546 547 398
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	17 596 845 754
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	Đồng	68 949 701 644
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	16 199 263 594
-	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	Đồng	15 367 155 344
-	LNST điều chỉnh theo KN của CQQLNN	Đồng	832 108 250
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5=3+4)	Đồng	85 148 965 238
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm nay (%)	Đồng	32,0
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm nay	Đồng	57 600 000 000
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ (8=5-7)	Đồng	14 671 253 406
8.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
8.2	Quỹ thưởng Viên chức quản lý	Đồng	866 321 006
8.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	13 804 932 400
	- Quỹ khen thưởng	Đồng	7 104 810 000
	- Quỹ phúc lợi	Đồng	6 700 122 400
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	Đồng	12 877 711 832

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;

- Lưu: VP, Thư ký, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Số: 878/TTr - TMC

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty.

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty về mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và thành viên BKS. Công ty đề nghị thực hiện chi trả thù lao năm 2024 như sau:

T	Chức danh	Mức lương CB để XD (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/th	Số tháng	Thực hiện năm 2023
1	Chủ tịch HĐQT	52,00	1	20%	10.400.000	12	124.800.000
2	Thành viên HĐQT	46,00	4	20%	9.200.000	12	441.600.000
3	Trưởng BKS	46,00	1	20%	9.200.000	12	110.400.000
4	Ủy viên BKS	42,00	4	20%	8.400.000	12	403.200.000
	Cộng		10				1.080.000.000

Năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với các thành viên HĐQT, BKS với tổng số tiền là 748,8 triệu đồng. Năm 2025 Công ty thực hiện quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 với số tiền 331,2 triệu đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2025, Công ty trình Hội đồng quản trị Công ty thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH với các chức danh cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Mức lương CB để XD (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/ th	Số tháng	KH chi trả năm 2025
1	Chủ tịch HĐQT	52,00	1	20%	10.400.000	12	124.800.000
2	Thành viên HĐQT	46,00	4	20%	9.200.000	12	441.600.000
3	Trưởng BKS	46,00	1	20%	9.200.000	12	110.400.000

TT	Chức danh	Mức lương CB để XĐ (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/ th	Số tháng	KH chi trả năm 2025
4	Ủy viên BKS	42,00	4	20%	8.400.000	12	403.200.000
	Cộng		10				1.080.000.000

(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, Thư ký, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 879 /BC-TMC

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Long

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2025.

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Công ty triển khai kế hoạch SXKD 2024 luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Lãnh đạo Tổng công ty, Tập đoàn và Địa phương nơi có đơn vị hoạt động sản xuất. Các giải pháp quản lý, điều hành SXKD được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt, kịp thời, phù hợp với sự biến động của thị trường trong từng thời điểm để triển khai thực hiện kế hoạch SXKD.

Giá kim loại màu ổn định và diễn biến theo chiều hướng có lợi đối với các sản phẩm cơ bản của Công ty.

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty còn phải đối mặt với không khó khăn đó là:

- Tình hình tài nguyên ngày càng khó khăn: Hàm lượng thực tế giảm nhiều so với tài liệu địa chất; Việc khai thác theo công suất quy định tại Giấy phép các mỏ hầu hết giảm sản lượng, phải cân đối, điều chỉnh khai thác chọn lọc tại các công trường có hàm lượng phù hợp để đáp ứng sản xuất của Công ty;

- Công tác tiêu thụ sản phẩm riêng đối với tinh quặng đồng không đạt kế hoạch.

- Đặc biệt do ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 3 (YAGI) đã làm gián đoạn sản xuất tại các đơn vị mỏ của Công ty. Xí nghiệp Kẽm chì Làng Hích mất điện công trường ngập nước dài ngày; Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn phải dừng sản xuất tuyển từ đầu tháng 9 để khắc phục.

Mặc dù vậy, bằng việc xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết và triển khai nhiều nhóm giải pháp kịp thời, đồng bộ, năm 2024 Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2024

1. Các chỉ tiêu về giá trị

- Doanh thu khoáng sản đạt 1.163,903 tỷ đồng, bằng 134,75% kế hoạch năm;
- Nộp ngân sách đạt 154,21 tỷ đồng, bằng 114,28% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 86,547 tỷ đồng, bằng 260,02% kế hoạch năm;
- Tổng quỹ tiền lương: 205 tỷ đồng, bằng 107,89% kế hoạch năm;
- Tiền lương BQ theo nguồn 13,4 trđ/ng/tháng bằng 111,74% kế hoạch năm;
- Tổng giá trị SCL: 26,717 tỷ đồng, bằng 101,45% kế hoạch năm;
- Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng: 45,386 tỷ đồng, bằng 63,7% kế hoạch năm (giá trị đã giải ngân trên BCTC 31,56 tỷ đồng).

2. Sản phẩm sản xuất, tiêu thụ

2.1. Sản phẩm sản xuất

- Kẽm thô: 11.800 tấn (trong đó tự sản xuất 9.159 tấn/9.143 tấn, đạt 100,17% KH năm; từ gia công thuê 2.641 tấn);
- Axits sunfuaric: 17.370 tấn/17.700 tấn, đạt 98,1% KH năm;
- Tinh quặng chì Sunfua: 3.474 tấn/4.437 tấn, đạt 78,3% KH năm;

- Tinh quặng chì ôxit 20% : 605 tấn/600 tấn, đạt 100,83% KH năm;
- Tinh quặng thiếc : 138,53 tấn/208 tấn đạt 66,5% KH năm (thiếc thỏi 64 tấn);
- Tinh quặng đồng: 1.226 tấn/941 tấn, đạt 130% KH năm.

2.2. Sản phẩm tiêu thụ

- Kẽm thỏi: 9.158 tấn/9.176 tấn, đạt 99,8% KH năm;
- Axits sunfuaric: 15.026 tấn/15.794 tấn, đạt 95,1% KH năm;
- Tinh quặng chì 50%Pb: 3.396 tấn/4.437 tấn, đạt 76,5% KH năm;
- Thiếc thỏi 62 tấn/101 tấn, đạt 61,39% KH năm;
- Tinh quặng đồng 993 tấn/1.040 tấn, đạt 95,48% KH năm.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC CHỦ YẾU

1. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sản xuất năm 2024 toàn Công ty đã chủ động điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với sự biến động của từng thời điểm. Công tác chỉ đạo sản xuất luôn coi nhiệm vụ đảm bảo ATLĐ, BVMT lên hàng đầu.

- Công ty và các đơn vị bám sát các giải pháp điều hành đã đề ra tại **Quyết định số 26/QĐ-TMC ngày 03/01/2024** gồm 09 nhóm giải pháp. Trong đó tập trung thực hiện các giải pháp trọng điểm như: Phát triển tài nguyên (Chợ Điện, Tây Nam Núi Pháo, Cúc Đường...); Triển khai dự án cải tạo môi trường tại Nhà máy kẽm, thu hồi các sản phẩm có ích trong đuôi thải khâu sản xuất kẽm; Ổn định công nghệ tuyển khoáng, giảm độ lẫn, giảm HL đuôi thải, nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm khâu tuyển khoáng.

- Điều hành về mặt sản lượng đảm bảo đúng quy định pháp luật theo giấy phép được cấp. Đặc biệt trong cuối quý III do ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão số Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn phải dừng sản xuất tuyển để khắc phục sự cố, Nhà máy kẽm có nguy cơ thiếu nguyên liệu sản xuất, Công ty điều hành tăng sản lượng quặng ôxit kẽm để tăng sản lượng bột kẽm 62%; Tăng cường gia công kẽm thỏi cho khách hàng đảm bảo Nhà máy kẽm sản xuất liên tục có hiệu quả.

- Việc xin cấp giấy phép môi trường các đơn vị đã cơ bản hoàn thành theo tiến độ. Trong năm, đã được phê duyệt 3 giấy phép môi trường tại PX Luyện kim màu II; Mỏ Cúc Đường; Xưởng tuyển Làng Hích, hoàn thiện hồ sơ giấy phép môi trường bổ sung Mỏ Thiếc Núi Pháo của Xí nghiệp Thiếc Đại Từ.

- Tăng cường tận thu tài nguyên: Nghiên cứu, thực hiện thí nghiệm công nghệ và thiết bị thu hồi Ag từ nguồn bùn thủy luyện quá trình sản xuất kẽm kim loại từ tinh quặng kẽm, đã đạt được một số kết quả khả quan.

2. Công tác đầu tư xây dựng

Trong năm đã tập trung thực hiện hoàn thành công tác đào lò XDCB Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hít; triển khai các dự án đầu tư duy trì sản xuất tại các đơn vị: Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn, Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích. Đặc biệt, Công ty tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư: Cải tạo môi trường Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư hệ thống quan trắc nước thải

tự động tại xưởng tuyển kẽm chì Chợ Điền; Đầu tư xây dựng Nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn.

3. Công tác phát triển tài nguyên

- Công tác lập đề án thăm dò nâng cấp, thăm dò phân sâu phát triển mỏ giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2040:

+ Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép mỏ Chợ Điền số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022: Năm 2024, thực hiện toàn đề án đạt 2.555/2.555 mk, kết quả khoan gặp quặng 35/35 lỗ khoan, đạt 100% công trình khoan gặp quặng, từ kết quả khoan gặp quặng của đề án, khoanh nổi dự kiến nâng cấp trữ lượng từ tài nguyên 333 lên cấp trữ lượng 122 là 382.152/329.692 tấn quặng, bằng 116% so với mục tiêu đề án.

+ Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Núi Pháo: Thực hiện cả năm 2024 đạt 2.925/3.525 mk, bằng 83% khối lượng toàn đề án.

+ Đề án thăm NCTL mỏ kẽm chì Cúc Đường: Công ty kết hợp với Đơn vị tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện đề án theo ý kiến thẩm định của Bộ TNMT, Cục Địa chất Việt Nam, hiện nay Cục Khoáng sản đang tổng hợp ý kiến báo cáo Bộ TNMT để thông qua đề án.

- Công tác khoan phục vụ khai thác: Khối lượng mét khoan đạt 11.162/11.500 mk, bằng 97,06% KH năm; làm rõ trữ lượng 140.055 tấn quặng sulfur kẽm chì, 17.000 tấn quặng thiếc đồng để phục vụ cho khai thác năm 2024 & những năm tiếp theo.

4. Đối với công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

4.1. Công tác khai thác mỏ

Trên cơ sở công suất mỏ được cấp phép và kế hoạch đề ra, các đơn vị đã bám sát giải pháp điều hành để triển khai ngay từ đầu năm. Cân đối, điều chỉnh khai thác chọn lọc tại các công trường có hàm lượng phù hợp để đáp ứng sản xuất xưởng tuyển, luyện của Công ty; chủ động giảm sản lượng khai thác quặng ôxít chì (mỏ Cúc Đường), tăng khai thác quặng ô xít kẽm (mỏ Chợ Điền) để tăng sản lượng bột kẽm 60%Zn phục vụ sản xuất kẽm thỏi khi xưởng tuyển Chợ Điền quý IV phải dừng sản xuất.

Trong năm đã triển khai đạt hiệu quả đào lò nổi thông từ khu vực Khuổi Khem 1 sang khu vực Khuổi Khem 2, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao năng suất sản lượng khai thác năm 2024 và các năm tiếp theo.

4.2. Công tác tuyển khoáng

- Thực hiện các giải pháp hợp lý hóa công nghệ tuyển nhằm xác định rõ độ mịn nghiền phù hợp, tối ưu cho quặng chì kẽm vào tuyển để ổn định công nghệ & giảm độ lẫn trong tinh quặng tại xưởng tuyển Chợ Điền, nâng cao thực thu xưởng tuyển Làng Hích. Kết quả tại xưởng tuyển Làng Hích đã tăng được thực thu kẽm từ 85,12% năm 2023 lên 89,6% năm 2024; giảm độ lẫn kẽm trong tinh quặng chì tại xưởng tuyển Chợ Điền từ 0,92% năm 2023 xuống 0,82% năm 2024.

- Tập trung ổn định công nghệ tuyển Núi Pháo như: Điều chỉnh độ pH khâu tuyển chính và tuyển tinh đồng, khai thác tuyển chọn nâng cao hàm lượng quặng nguyên khai vào tuyển; thực hiện lắp thêm 06 bàn đãi để tăng năng suất, tận thu tối đa sản phẩm, tăng thực thu & lấp lô từ sau tuyển nổi để hút sắt trong thiếc giảm tạp chất trước khi xuống bàn đãi tuyển tinh thiếc.

4.3. Công tác luyện kim

- Năm 2024, Công ty đã tập trung thực hiện triển khai các giải pháp bổ sung gió cấp 2 cho lò thiêu lớp sôi, (chạy lò thiêu lớp sôi ở chế độ nhiệt cao), giảm FeO trong sản phẩm cát bụi thiêu để hạn chế Fe^{+2} khi hòa tách, nâng được công suất và chất lượng thiêu đáp ứng cho sản xuất ổn định; tiếp tục thực hiện một số các giải pháp giảm HL trong bã thải;

- Nâng cao chất lượng dung dịch điện phân, duy trì sử dụng oxi già thay thế 1 phần MnO_2 ; Lọc ép dung dịch trung tính trước khi vào làm sạch; Giải pháp sử dụng Mangan vón cục thay thế mangan đioxit trong hòa tách dung dịch của Nhà máy Kẽm.

- Hoàn thành đề tài nghiên cứu công nghệ thu hồi Cacbon và kẽm ôxít trong xỉ thải của hệ thống lò quay luyện bột ô xít kẽm 60%Zn tại các phân xưởng luyện kim thuộc TKV và triển khai vào thực tế sản xuất tại phân xưởng Luyện Kim màu II mang lại hiệu quả cao.

- Đã phối hợp với Đơn vị tư vấn nghiên cứu công nghệ, thực hiện đề tài thu hồi Ag từ bùn thủy luyện SX kẽm thỏi có nhiều tích cực khả quan.

4.4. Công tác cơ điện

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ MMTB tại các đơn vị trong Công ty, đặc biệt là kiểm soát chất lượng vật tư sửa chữa đầu vào.

- Giá trị SCL MMTB năm 2024 thực hiện 24,790 tỷ đồng, bằng 101,9% KH năm; Công tác SCL MMTB đã được thực hiện nghiêm túc, bám sát theo kế hoạch và định ngạch sửa chữa, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Các thiết bị sau khi sửa chữa hoạt động ổn định.

5. Công tác An toàn - Môi trường

- Công ty luôn xác định sản xuất phải đi đôi với đảm bảo an toàn và môi trường. Tăng cường kiểm tra định kỳ, phúc tra, kiểm tra chuyên đề tại các đơn vị thành viên. Kiểm tra rà soát kế hoạch PCTT-TKCN tại các đơn vị trong Công ty để các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Trong năm đã tích cực làm việc với các cơ quan chức năng để được cấp giấy phép môi trường cho các đơn vị gồm: Giấy phép môi trường PX Luyện kim màu II; Mỏ Cúc Đường; Xưởng tuyển Làng Hích, hoàn thiện hồ sơ giấy phép môi trường bổ sung Mỏ Thiếc Núi Pháo.

6. Công tác quản trị chi phí, tài chính kế toán

6.1. Công tác quản trị chi phí:

- Trong năm 2024, công tác quản trị chi phí đã thực hiện tốt các giải pháp đề ra. Quản lý chi phí tại các đơn vị chặt chẽ, xây dựng nhiều kịch bản giá thành khi giá kim loại kẽm không ổn định để đảm bảo sản xuất ổn định, hàng tháng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu đánh giá; chất lượng vật tư được đảm bảo, cung ứng vật tư kịp thời cho sản xuất.

- Triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí đạt hiệu quả, trong đó có các giải pháp điển hình như: Giải pháp kỹ thuật sử dụng tấm chì tái chế và Mangan đioxit

MnO₂ vốn cục tiết kiệm 6,7 tỷ đồng, (sử dụng Mangan đioxit MnO₂ vốn cục) tiết kiệm 4 tỷ đồng;

- Trước diễn biến giá kim loại không ổn định, Công ty đã linh hoạt trong điều hành, tiết kiệm chi phí do đó giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ giảm so với kế hoạch, giá trị tiết kiệm theo giá giao là 5,2 tỷ đồng.

6.2. Công tác tài chính kế toán:

Tổng dòng tiền từ bán hàng trong năm 2024 dự kiến là 1.151,2 tỷ đồng, năm 2023 là 965,8 tỷ đồng (năm 2024 tăng 185,4 tỷ đồng so với năm 2023) tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành dòng tiền phục vụ sản xuất của Công ty được ổn định.

- Thu xếp vốn cho SXKD: Thu xếp đủ vốn phục vụ ĐTXDCB và SXKD của toàn Công ty, bố trí đầy đủ vốn lưu động cho các đơn vị, tổng vốn lưu động toàn Công ty là 1.141,2 tỷ đồng, trong đó Khối Văn phòng là 819,9 tỷ đồng, cấp vốn các đơn vị là 321,3 tỷ đồng. Đối với vốn ĐTXD cơ bản, tổng số vốn thu xếp trong năm là 47,5 tỷ đồng, trong đó nguồn vay dài hạn từ BIDV là 18 tỷ đồng, nguồn khấu hao TSCĐ là 29,5 tỷ đồng.

- Công tác tín dụng: Trong năm đã huy động và sử dụng các hạn mức vốn vay ngắn hạn, dài hạn ở mức hợp lý. Tổng tiền vay ngắn hạn trong năm là 157,7 tỷ đồng, dư nợ bình quân tháng là 13,1 tỷ đồng. Nhìn chung, vốn vay ngắn hạn của Công ty được thu xếp với mức lãi suất ưu đãi, thời gian nhận nợ ngắn. Tổng tiền vay dài hạn trong năm là 18 tỷ đồng. Năm 2024, tiết giảm chi phí lãi vay so với kế hoạch là 665 triệu đồng, (KH là 3,228 tỷ đồng, thực hiện là 2,563 tỷ đồng).

- Công tác điều hành các hệ số tài chính: Trong năm các hệ số tài chính của Công ty ở mức tốt, trong đó: Hệ số bảo toàn vốn là 1,36 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn là 0,91 lần (quy định là trên 0,5 lần). Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư chủ sở hữu là 27,72% (quy định trên mức lãi tiền gửi ngân hàng). Công ty được các ngân hàng xếp loại tín nhiệm tài chính ở mức cao.

7. Công tác lao động, tiền lương

- Lao động đầu kỳ 1.271 người, lao động cuối kỳ 1.270 người, tăng 43 người & giảm 45 người.

- Thực hiện tốt chế độ quyền lợi cho người lao động. Phương án trả lương và cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động ngày một hoàn thiện hơn như: Thực hiện xây dựng phương án trả lương gắn với hiệu quả công việc, gắn với công tác an toàn môi trường, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất và hiệu quả như lao động khai thác hầm lò, lao động luyện kim, lao động tuyển khoáng. Mặc dù năm 2024 SXKD Công ty gặp nhiều khó khăn, các đơn vị mỏ quý IV gián xuất bị gián đoạn Công ty đã điều hành linh hoạt lao động giữa các đơn vị mỏ đảm bảo thu nhập của lao động hầm lò, luyện kim, tuyển khoáng ổn định.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn, song với sự quyết liệt, hợp lý trong điều hành, áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp kinh tế, kỹ thuật... nên kết thúc năm 2024 toàn Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định, SXKD có hiệu quả.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Dự báo năm 2024 còn nhiều khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế Thế giới, khu vực và trong nước diễn biến phức tạp; giá bán kim loại hiện đang ở mức cao; các khoản thuế, phí ngày càng tăng; Tác động tiêu cực của điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu, nghèo về hàm lượng; Công tác phát triển tài nguyên, ĐTXD còn chậm tiến độ; Đặc biệt khó khăn trong công tác cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy tuyển khoáng, luyện kim...

Trước tình hình đó, đòi hỏi Công ty phải có các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, phấn đấu giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng doanh thu: 1.190,551 tỷ đồng, bằng 102,29% so với TH năm 2024;
- Nộp ngân sách: 137,678 tỷ đồng, bằng 89,28 % so với TH năm 2024;
- Lợi nhuận trước thuế: 63,572 tỷ đồng, bằng 73,45 % so với TH năm 2024;
- Tổng quỹ lương sản phẩm: 228,0 tỷ đồng, bằng 111,22% so với TH năm 2024;
- Lao động trong kỳ 1.321 người, bằng 103,65% so với TH năm 2024;
- Tiền lương BQ: 14,38 tr.đ/ng/tháng, bằng 107,31% so với TH năm 2024;
- Tổng giá trị SCL: 38,79 tỷ đồng, bằng 145,19% so với TH năm 2024;
- Tổng giá trị ĐTXD: 78.600 tỷ đồng;
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2025: %.

2. Các chỉ tiêu sản xuất và tiêu thụ

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Kẽm thô	tấn	11.800	11.800
	<i>Kẽm thô sản xuất</i>	<i>Tấn</i>	<i>8.500</i>	<i>8.500</i>
	<i>Kẽm thô gia công</i>	<i>Tấn</i>	<i>3.300</i>	<i>3.300</i>
2	Axit sunfuric	tấn	19.000	17.649
3	Tinh quặng chì sunfua 50%	tấn	3.549	3.549
4	Tinh quặng chì oxit 20%	tấn	2.500	3.105
5	Tinh quặng bạc	tấn	370	300
6	Thiếc thô	tấn	73	75
7	Tinh quặng đồng	tấn	825	1.225

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Đối với công tác điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Điều hành linh hoạt về mặt sản lượng đảm bảo đúng quy định pháp luật và đạt hiệu quả kinh tế cao nhất; Sản xuất đảm bảo ATMT, kiên quyết không để xảy ra các vụ mất ATLĐ nặng và sự cố môi trường loại I, II.

- Tìm kiếm thị trường, ký hợp đồng nguyên tắc đối với khách hàng có nguồn nguyên liệu tinh quặng kẽm đảm bảo độ tin cậy để gia công kẽm thỏi, phục vụ Nhà máy kẽm sản xuất liên tục ngay sau sửa chữa lớn xong, khi nguồn nguyên liệu của Công ty không đáp ứng đủ.

- Chuyển đổi thành công công nghệ thủy luyện toàn phần sang công nghệ bán thủy luyện trong quý I/2025;

- Tập trung làm việc với Bộ TN&MT xin phép không đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ Đầm Vạn....

2. Công tác phát triển tài nguyên:

- Tập trung công tác phát triển tài nguyên, triển khai các đề án nâng cấp trữ lượng các mỏ Công ty đang quản lý (ưu tiên mỏ Chợ Điền và mỏ Núi Pháo).

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác khoan phục vụ khai thác, nâng cao mức độ tin cậy tài liệu địa chất và bổ sung trữ lượng mỏ. Dự kiến khối lượng khoan phục vụ khai thác năm 2025 là 12.000 mk, làm rõ 160.000 tấn quặng.

3. Giải pháp triển khai hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng

- Ngay từ Quý 1/2025, hoàn thành chỉnh định, vận hành chạy thử hệ thống xử lý khí lò quay của Dự án cải tạo môi trường Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; triển khai thực hiện Đầu tư dây chuyền tuyển bạc trong bùn thủy luyện và đồng bộ chuyển đổi công nghệ luyện kim tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên;

- Thực hiện Dự án đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền và Đầu tư xây dựng bãi chứa quặng đuôi số 3 (giai đoạn 2) tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất của xưởng tuyển kẽm chì Chợ Điền;

- Triển khai thực hiện đầu tư bổ sung bãi chứa đuôi thải Xí nghiệp Kẽm Chi Làng Hích (bãi thải khu vực kho Mộc) và thực hiện các thủ tục pháp lý về GPMB và chuẩn bị đầu tư của Dự án đầu tư mở rộng bãi chứa quặng đuôi xưởng tuyển Lang Hit (Bãi thải Sa Lung) - Xí nghiệp Kẽm Chi Làng Hích nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất của xưởng tuyển kẽm chì Làng Hích.

4. Đối với công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

4.1. Công tác khai thác mỏ

- Đề xuất tiếp tục tìm kiếm tài nguyên tại các khu khai thác chính có trữ lượng còn lại như khu Bình Chai, khu Bắc Lũng Hoài, Bô Luông, Nam Mán, Đèo An để bổ sung nguồn tài nguyên, mở rộng các công trường khai thác đảm bảo tài nguyên huy động khai thác trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Khảo sát các khu vực có triển vọng về tài nguyên từ khu Metis lên mỏ Ba, kết nối các khu vực từ khu mỏ Ba – Bắc mỏ Ba – Bắc Lâu. Cân đối các công trường sản xuất trong mùa mưa đảm bảo sản lượng, đạt hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục các giải pháp về tăng cường công tác quản lý hệ số tổn thất, hệ số làm nghèo quặng, quặng nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào lò, khai thác mỏ.

4.2. Đối với công tác tuyển khoáng

- Tập trung ổn định công nghệ tuyển quặng tại cả 04 xưởng tuyển: Tiếp tục triển khai đề xuất giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thuốc tuyển, hóa chất mới, thuốc đè chìm (như Dextrin, thủy tinh lỏng, $ZnSO_4$...), kết hợp với điều chỉnh độ pH môi trường để giảm tính nổi của kẽm tại khâu tuyển chì & độ lẫn chì trong tinh quặng kẽm, giảm hàm lượng kẽm đuôi thải;

- Phát huy hiệu quả máy lấy mẫu tự động trong việc lấy mẫu đuôi thải và hàm lượng quặng nguyên khai đầu vào đảm bảo tính đại diện tại các xưởng tuyển.

- Tiếp tục thực hiện giải pháp kiểm soát độ mịn nghiền nguyên liệu vào tuyển, thực hiện hoàn thiện việc vận hành sử dụng hệ thống xyclone tại xưởng tuyển Chợ Điền; Ổn định thiết bị công nghệ tuyển cell tại xưởng tuyển Hích.

- Tiếp tục thực hiện việc cấp bổ sung thuốc tuyển Na_2SO_3 và H_2O_2 để giảm hàm lượng asen, bismut trong tinh quặng đồng, tinh quặng thiếc. Giảm các tạp chất để nâng cao hiệu quả gia công thiếc thời.

4.3. Đối với công tác luyện kim

- Tiếp tục duy trì ổn định công nghệ và thiết bị đảm bảo đạt sản lượng kẽm thỏi theo kế hoạch, chất lượng kẽm thỏi đạt $\geq 99,99\%$, thực thu kẽm $\geq 92\%$;

- Duy trì hàm lượng Mn trong dung dịch điện phân xuống $<10g/l$ đây là mục tiêu rất quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hòa tách, làm sạch và điện phân để ổn định sản xuất;

- Triển khai dự án tuyển tách bạc từ bùn thủy luyện của Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên (trên cơ sở thí nghiệm bước đầu đã cho kết quả khả quan, hàm lượng tinh quặng bạc đạt $\geq 2000 g/t$, thực thu 55%). Vận hành tốt hệ thống lò quay xử lý bã theo yêu cầu công nghệ đảm bảo hiệu quả;

4.4. Đối với công tác Cơ điện, SCL

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, bảo dưỡng, SCTX, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng thay thế (thực hiện thu cũ đổi mới). Tăng cường công tác phục hồi sử dụng phụ tùng cũ, gia công chế tạo cơ khí và thu hồi vật tư đã qua sử dụng, đánh giá chất lượng vật tư từ đó tái sử dụng nhằm tiết giảm chi phí.

- Ban hành kế hoạch, tiến độ thực hiện SCL MMTB năm 2024 trên cơ sở tiết kiệm, đúng chu kỳ, chất lượng sửa chữa đảm bảo, ổn định sản xuất từng thiết bị, hết tháng kiểm điểm tiến độ, đánh giá chất lượng thực hiện.

5. Đối với công tác ATMT

- Hoàn thiện các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác ATVSLĐ; Tổ chức Hội nghị kiểm điểm, tổng kết công tác AT-VSLĐ năm 2024, xây dựng nhiệm vụ năm 2025. Tham mưu Lãnh đạo Công ty ký kết Nghị quyết liên tịch về thực hiện công tác AT-VSLĐ giữa Giám đốc, Công đoàn, Đoàn TN với **mục tiêu tiên năm 2025 là “Không để xảy ra TNLĐ nặng & sự cố môi trường loại I, II”**.

- Hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường tại các đơn vị sản xuất trong toàn Công ty đảm bảo đáp ứng theo các yêu cầu kỹ thuật được quy định theo Nghị định 36/2020/NĐ-CP và Nghị định 04/2022/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung một số điều

của Nghị định 36). Thực hiện hoàn thành việc cấp phép môi trường tại các đơn vị đảm bảo sản xuất ổn định, phù hợp với quy định của pháp luật;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quan trắc kiểm soát ô nhiễm môi trường, căn cứ vào kết quả đo kiểm để đánh giá điều chỉnh công nghệ cho phù hợp. Tiếp tục duy trì ổn định hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí lò thiêu sản xuất axit tại Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên, nâng cao chất lượng nước thải, khí thải đáp ứng quy định xả thải.

6. Đối với công tác quản lý kinh tế

6.1. Công tác tài chính kế toán:

- Thu xếp đủ vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư trong toàn Công ty. Làm việc với các tổ chức tín dụng nâng hạn mức vốn vay ngắn hạn dự phòng cho năm 2025;

- Tiếp tục duy trì phương pháp quản lý dòng tiền tập trung trong toàn Công ty để tận dụng tối đa nguồn lực tài chính.

- Thu xếp vốn vay ưu đãi tại Quỹ môi trường tỉnh Thái Nguyên tài trợ cho dự án cải tạo môi trường Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên.

6.2. Công tác quản trị chi phí:

Triển khai giao kế hoạch giá thành sản xuất ngay từ đầu năm (trong tháng 1/2025). Điều hành chi phí theo kế hoạch, linh hoạt trong công tác điều hành khi sản xuất không ổn định, cơ cấu sản xuất thay đổi (các nguồn nguyên liệu đầu vào sản xuất thay đổi), hạn chế tối đa các phát sinh từ Công ty đến các đơn vị. Công tác quản lý vật tư đảm bảo tỷ lệ tồn kho < 6%.

6.3. Công tác bán hàng, cung ứng vật tư:

- Thực hiện công tác mua sắm thông qua hình thức chào giá cạnh tranh, lấy chất lượng sản phẩm là hàng đầu. Ổn định chất lượng các vật tư có tầm quan trọng ảnh hưởng đến công nghệ.

- Thường xuyên nắm bắt, bám sát để phát triển các thị trường tiêu thụ, đảm bảo tiêu thụ không bị tồn kho.

7. Công tác lao động, tiền lương, chăm lo phát triển nguồn nhân lực

7.1. Công tác quản lý lao động: Bố trí, sắp xếp lao động hợp lý để đảm bảo tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả SXKD của Công ty. Điều động, bố trí lao động linh hoạt giữa các đơn vị, cân đối lao động để bổ sung kịp thời đảm bảo ổn định sản xuất trong toàn Công ty.

7.2. Công tác tiền lương: Tiếp tục xây dựng phương án chi trả tiền lương gắn với khối lượng, hiệu quả, năng suất công việc, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả công việc, hiệu quả SXKD của đơn vị, như lao động hầm lò, lao động luyện kim, thợ bậc cao, lao động quản lý có trình độ chuyên môn và kỹ năng giải quyết công việc hiệu quả.

7.3. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực: Tuyển dụng lao động chất lượng cao, tiếp tục nâng cao cơ cấu, chất lượng thợ khai thác, từng bước phát triển nguồn nhân lực một cách toàn diện. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo đáp ứng nhu cầu về lao động trong Công ty. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng tập trung đối với các chương trình đào tạo chức danh, các chuyên đề trọng điểm.

8. Công tác cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Triển khai hiệu quả các giải pháp cơ giới hóa hầm lò như: Máy khoan thủy lực trong lò (thay thế các búa khoan cầm tay YT 24, 27), máy xúc trong lò (thay thế xúc thủ công), công tác vận tải lò bằng sử dụng tàu điện, vận tải trong giếng bằng tời 5 tấn.

9. Các mặt công tác khác

- Quan tâm đến công tác thanh tra, bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, vật tư, ranh giới mỏ.
- Tích cực tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, an sinh xã hội. Phát triển hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, tham gia đóng góp với địa phương nơi đơn vị đứng chân.
- Kiện toàn và làm tốt hơn nữa phong trào thi đua, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD và thu nhập cho người lao động.

PHẦN THỨ BA

KẾT LUẬN

Năm 2024, thực hiện kế hoạch SXKD toàn Công ty gặp rất nhiều khó khăn; Đặc biệt do ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão số 3 đã làm gián đoạn sản xuất tại các đơn vị mỏ của Công ty; Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn phải dừng sản xuất tuyến từ đầu tháng 9 để khắc phục sự cố, Nhà máy Kẽm có nguy cơ thiếu nguyên liệu phải dừng sản xuất, song với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể CBCNV, sự vận dụng linh hoạt, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, Công ty đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đầu tư dự án khí lò quay chuyển đổi công nghệ thủy luyện toàn phần sang bán thủy luyện để xử lý bùn thủy luyện kẽm (chất thải nguy hại) phát sinh trong trình sản xuất kẽm, đề tài thu hồi Ag từ bùn thủy luyện SX kẽm thời có nhiều tích cực khả quan ...) sản xuất có lãi, đảm bảo duy trì được nguồn vốn, người lao động có việc làm & thu nhập ổn định. Ban điều hành Công ty xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, sự tin tưởng của Quý vị cổ đông, các đối tác đã sát cánh với Công ty trong suốt thời gian qua; sự tận tâm, nỗ lực và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể CBCNV đã kiên trì vượt khó, duy trì sản xuất ổn định, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.

Bước sang năm kế hoạch 2025, tuy vẫn còn nhiều khó khăn thử thách mà Công ty phải đối mặt. Song chúng ta tin tưởng rằng với truyền thống đoàn kết, thống nhất của tập thể người lao động Công ty, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của HĐQT Công ty, của Tổng Công ty và chính quyền địa phương, Công ty chúng ta sẽ tiếp tục đạt được các kết quả tốt hơn.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, P.KHKT.



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Long

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CÔNG NGHỆ CHỦ YẾU NĂM 2025

Đơn vị: Công ty cổ phần kim loại màu Thái Nguyên-Vimico

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
I	Sản phẩm chủ yếu						
1	Kẽm thỏi	Tấn	11.800	11.800	11.800	100,00	100,00
1.1	Kẽm thỏi tự sản xuất	Tấn	9.143	9.159	8.500	100,17	92,82
1.2	Kẽm thỏi gia công thuê	Tấn	2.657	2.641	3.300	99,42	124,91
2	Tinh quặng chì sun fua 50%Pb	Tấn	4.437	3.474	3.549	78,30	102,15
3	Thiếc thỏi	Tấn	101,35	64,20	73,08	63,35	113,82
4	A xít sunfuaric	Tấn	17.700	17.370	19.000	98,14	109,39
4.1	Axit sunfuaric tự sản xuất	Tấn	12.122	12.883	13.193	106,28	102,41
4.2	Axit sunfuaric gia công thuê	Tấn	-	4.487	5.807	-	129,43
5	Tinh quặng ôxít chì 20%Pb	Tấn	2.548	605	2.500	23,74	413,22
6	Tinh quặng thiếc 50%Sn	Tấn	208,31	138,53	155,93	66,50	112,56
7	Tinh quặng đồng 22%Cu	Tấn	940,74	1.226,05	824,73	130,33	67,27
II	Bán thành phẩm						
1	Quặng khai thác	Tấn	184.700	184.647	199.700	99,97	108,15
1.1	Quặng SunFua kẽm chì	Tấn	142.000	134.996	142.000	95,07	105,19
-	Hàm lượng Zn	%	6,04	6,28	5,60	104,03	89,11
-	Hàm lượng Pb	%	1,93	1,71	1,53	88,66	89,43
*	Tại Bắc Kạn	Tấn	92.000	85.000	92.000	92,39	108,24
-	Hàm lượng Zn	%	7,40	7,41	6,80	100,13	91,79

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
-	Hàm lượng chì	%	0,90	0,75	0,72	83,80	96,19
*	XN Kẽm Chì Làng Hích	Tấn	50.000	49.996	50.000	99,99	100,01
-	Hàm lượng Zn	%	3,10	4,37	3,39	141,08	77,54
-	Hàm lượng Pb	%	3,53	3,33	3,01	94,33	90,21
1.2	Quặng ôxit kẽm 15 % (tại BKC)	Tấn	8.000	15.000	8.000	187,50	53,33
-	Hàm lượng Zn	%	14,88	14,86	14,88	99,84	100,16
1.3	Quặng ôxit chì Cúc đường	Tấn	5.000	5.000	20.000	100,00	400,00
-	Hàm lượng Pb	%	4,90	4,90	4,90	100,00	100,00
1.4	Quặng thiếc gốc khai thác đạt chất lượng	Tấn	29.700	29.651	29.700	99,84	100,17
-	Hàm lượng Sn	%	0,45	0,36	0,40	79,90	110,16
-	Hàm lượng Cu	%	0,75	1,06	0,60	141,82	56,29
2	Đào lò	m					
2.1	Đào lò CBSX	m	6.637	6.906	7.573	104,05	109,66
-	Tại BMC	m	3.627	3.670	3.858	101,19	105,12
-	Làng Hích	m	1.640	1.643	1.900	100,18	115,64
-	Đào lò xóm Cúc	m	600	350	600	58,33	171,43
-	Đào lò Núi Pháo	m	770	1.243	1.215	161,43	97,75
2.2	Hệ số đào lò BMC	m	39,42	43,18	41,93	109,52	97,12
2.3	Hệ số đào lò Hích	m	44,80	39,86	50,00	88,98	125,43
3	Bóc thải	m3	24.000	22.570	19.400	94,04	85,96
-	Tại BKC oxit	m3	21.000	21.350	18.000	101,66	84,31

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
-	Tại Cúc đường	m3	3.000	1.220	1.400	40,67	114,75
*	Hs bóc đất đá SX quặng ox BMC	m3/tấn	2,63	1,42	2,25	54,22	158,09
4	Khoan phục vụ khai thác	m	20.500	11.282	12.000	55,03	106,36
4.1	Tại BKC	m	10.000	6.650	6.500	66,50	97,74
+	Tự thực hiện	m	6.500	6.650	6.500	102,31	97,74
4.2	Tại Làng Hích+Cúc Đường	m	4.000	3.102	2.500	77,55	80,59
+	Tự thực hiện	m	4.000	3.102	2.500	77,55	80,59
4.3	Tại Đại Từ	m	2.500	1.530	3.000	61,20	196,08
+	Tự thực hiện	m	2.500	1.530	3.000	61,20	196,08
5	Tổng Quặng sun fua vào tuyển	Tấn	142.000	127.051	148.000	89,47	116,49
	Hàm lượng Zn	%	6,04	6,22	5,67	102,92	91,26
	Hàm lượng Pb	%	1,91	1,77	1,49	92,54	84,37
5.1	Tại BKC	Tấn	92.000	71.686	98.000	77,92	136,71
-	Hàm lượng Zn	%	7,40	7,42	6,84	100,27	92,21
-	Hàm lượng Pb	%	0,88	0,72	0,72	82,12	100,17
5.2	Làng Hích	Tấn	50.000	55.366	50.000	110,73	90,31
	Hàm lượng Zn	%	3,54	4,66	3,39	131,57	72,65
	Hàm lượng Pb	%	3,82	3,13	3,01	81,97	96,04
6	Quặng thiếc Đại Từ vào tuyển		38.000	33.353	32.000	87,77	95,94
	Hàm lượng Sn		0,45	0,37	0,40	82,03	108,36
	Hàm lượng Cu		0,75	1,00	0,70	133,03	70,16

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
7	Tuyển quặng ô xít chì		5.000	5.000	20.000	100,00	400,00
	Hàm lượng chì		4,90	4,90	4,90	100,00	100,00
8	Tinh quặng kẽm Zn	Tấn	15.034	14.027	14.764	93,30	105,26
-	Hàm lượng Zn	%	52,00	51,71	52,01	99,44	100,58
8.1	Tại BKC	Tấn	12.024	9.422	11.850	78,36	125,77
-	Hàm lượng kẽm	%	52,50	52,37	52,50	99,75	100,25
-	Hàm lượng pb	%	1,00	1,00	0,85	100,00	85,00
-	Thực thu kẽm	%	92,76	92,79	92,80	100,03	100,01
8.2	Tại Làng Hích	Tấn	3.010	4.605	2.914	153,01	63,27
-	Hàm lượng kẽm	%	50,00	50,35	50,00	100,70	99,31
-	Hàm lượng chì	%	2,70	2,72	2,70	100,58	99,42
-	Thực thu kẽm	%	85,00	89,81	86,00	105,65	95,76
9	Tinh quặng chì sunfua	Tấn	4.437	3.474	3.549	78,30	102,15
-	Hàm lượng chì	%	54,00	56,24	54,00	104,14	96,02
9.1	Tại BKC	Tấn	1.237	736	1.070	59,54	145,32
-	Hàm lượng kẽm	%	5,0	5,96	5,50	119,21	92,28
-	Hàm lượng chì	%	54,0	57,77	54,00	106,99	93,47
-	Thực thu chì	%	82,5	82,13	82,00	99,56	99,84
9.2	Tại Làng Hích	Tấn	3.200	2.738	2.479	85,54	90,54
-	Hàm lượng kẽm	%	5,3	5,01	5,50	94,60	109,70
-	Hàm lượng chì	%	54,0	55,82	54,00	103,38	96,73

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
-	Thực thu chì	%	90,5	88,17	89,00	97,42	100,94
10	Tinh quặng chì Ô xít Cúc đường 20%Pb	Tấn	600	605	2.500	100,83	413,22
	Hàm lượng chì	%	20,0	20,08	20,0	100,40	99,60
-	Thực thu	%	52,0	43,76	52,0	84,16	118,82
11	Tinh quặng đồng Núi Pháo	Tấn	941	1.226	825	130,33	67,27
-	Hàm lượng Cu	%	23,0	22,46	22,0	97,64	97,97
-	Thực thu tuyển đồng	%	76,0	82,74	81,0	108,86	97,90
12	Tinh quặng thiếc Núi Pháo 55%	Tấn	208,3	138,5	156	66,50	112,56
-	Hàm lượng Sn	%	55,0	52,91	55,0	96,21	103,94
-	Thực thu tổng tuyển thiếc 50%	%	67,0	59,5	67,0	88,87	112,53
13	Thiếc thỏi		101,4	64,2	73,1	63,35	113,82
-	Hàm lượng Sn	%	99,8	99,8	99,75	100,00	100,00
14	Bột ô xít kẽm 62%Zn	Tấn	1.800	3.339,1	3.000	185,51	89,84
-	Thực thu kẽm	%	81,70	81,76	99,76	100,07	122,02
III	Tiêu thụ						
1	Kẽm thỏi	Tấn	9.176	9.158	8.500	99,80	92,82
2	A xít sunfuaric	Tấn	15.794	15.026	17.649	95,14	117,46
3	Tinh quặng chì sun fua 50%Pb	Tấn	4.437	3.396	3.549	76,54	104,50
4	TQ ô xít chì 20%Pb	Tấn	600	-	3.105	-	-
5	Thiếc thỏi	Tấn	101,35	62	73	61,64	116,98
6	Tinh quặng đồng 22%Cu	Tấn	1.040,74	993	1.225	95,45	123,29

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025

Đơn vị: Công ty cổ phần kim loại màu Thái Nguyên-Vimico

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
I	Chỉ tiêu						
1	Doanh thu	Tr.đ	863.723	1.163.903	1.190.551	134,75	102,29
	- Doanh thu SX khoáng sản	"	861.123	920.946	851.326		
	- Doanh thu SX khác	"	2.600	319.694	339.225		
2	Giá vốn bán hàng	Tr.đ	765.065	1.010.471	1.052.810	132,08	104,19
3	Chi phí quản lý-bán hàng- lãi vay	Tr.đ	65.374	66.885	74.168	102,31	110,89
4	Lợi nhuận	"	33.285	86.547	63.572	260,02	73,45
II	Chế độ người lao động						
1	Lao động thực tế bq KH	người	1.320	1.275	1.321	96,56	103,65
2	Tổng quỹ lương	Tr.đ	190.000	205.000	228.000	107,89	111,22
3	Tiền lương bình quân	trđ/ng/ thg	11,99	13,40	14,38	111,74	107,31
III	Nộp ngân sách	Tr.đ	134.939	154.210	137.678	114,28	89,28
IV	Đầu tư mới	"	71.600	59.314	78.600	82,84	132,52
V	Sửa chữa lớn	"	26.335	26.717	38.790	101,45	145,19
	Trích vào giá thành	Trđ	29.903	28.820	29.308		
	Trong đó PB năm trước sang	Trđ	23.527	23.527	21.609		
VI	An toàn - Bảo hộ lao động - ƯCSC		14.976	12.728	15.274	84,99	120,00
VII	Môi trường thường xuyên		10.637	8.561	11.185	80,49	130,65
VIII	Sản phẩm chủ yếu						

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
1	Sản xuất						
1.1	Kẽm thời	Tấn	11.800	11.800	11.800	100,00	100,00
	<i>Kẽm thời từ TQ tự sản xuất</i>		<i>9.143</i>	<i>9.159</i>	<i>8.500</i>	<i>100,17</i>	<i>92,82</i>
	<i>Kẽm thời gia công</i>		<i>2.657</i>	<i>2.641</i>	<i>3.300</i>	<i>99,42</i>	<i>124,91</i>
1.2	A xít sunfua ric	"	17.700	17.370	19.000	98,14	109,39
1.3	Tinh quặng chì sunfua	"	4.437	3.474	3.549	78,30	102,15
1.4	Tinh quặng bạc	"			370	-	-
1.5	Tinh quặng chì oxit 20%	"	600	605	2.500	100,83	413,22
1.6	Tinh quặng thiếc	"	208	139	156	66,50	112,56
	<i>Trong đó: Thiếc thời thuê gia công</i>	"	<i>101</i>	<i>64</i>	<i>73</i>	<i>63,35</i>	<i>113,82</i>
1.7	Tinh quặng đồng	"	941	1.226	825	130,33	67,27
1.8	Quặng kẽm ô xít	"	8.000	15.000	8.000	187,50	53,33
1.9	Quặng kẽm sunfua kẽm chì	"	142.000	134.996	142.000	95,07	105,19
1.10	Tinh quặng kẽm	"	15.034	14.027	14.764	93,30	105,26
1.11	Bột kẽm 62%	"	1.800	3.339	3.000	185,51	89,84
1.12	Quặng thiếc NP	"	29.700	29.651	29.700	99,84	100,17
2	Tiêu thụ						
2.1	Kẽm thời 99,95% Zn	Tấn	9.176	9.158	8.500	99,80	92,82
2.2	Axít H ₂ SO ₄ (bán)	"	15.794	15.026	17.649	95,14	117,46
2.3	Tinh quặng bạc	"			300	-	-
2.4	Tinh quặng chì sufua	"	4.437	3.396	3.549	76,54	104,50

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
2.5	Tinh quặng chì ô xít 20%	"	600	-	3.105	-	-
2.6	Thiếc thỏi	"	101	62	73	61,64	116,98
2.7	Tinh quặng đồng	"	1.041	993	1.225	95,45	123,29
IX	Chi phí						
1	Giá thành sản xuất	1000đ/ tấn Sp					
-	Kẽm thỏi	"	53.880	56.826	60.541	105,47	106,54
-	A xít sunfua ric	"	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
-	Tinh quặng bạc				10.782	-	-
-	Tinh quặng chì 50%Pb	"	23.000	24.225	23.000	105,33	94,94
-	Tinh quặng chì ~20%	"	5.313	8.762	5.851	164,92	66,78
-	Thiếc thỏi	"	683.645	941.207	766.919	137,67	81,48
-	Tinh quặng đồng	"	18.500	25.056	30.500	135,44	121,73
2	Giá thành tiêu thụ	1000đ/ tấn Sp					
-	Kẽm thỏi 99,95% Zn	"	57.091	63.198	66.605	110,70	105,39
-	Axít H2SO4 (bán)	"	1.430	1.109	1.236	77,52	111,49
-	Tinh quặng bạc	"			11.466	#DIV/0!	#DIV/0!
-	Tinh quặng chì sufua 50%	"	24.892	26.181	24.176	105,18	92,34
-	Tinh quặng oxit chì ~20%	"	5.313	-	6.419	-	-
-	Thiếc thỏi	"	683.645	986.337	790.257	144,28	80,12
-	Tinh quặng đồng	"	17.506	25.794	29.061	147,35	112,66

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH 2024 (HĐQT)	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	So sánh (%)	
						TH 2024/ KH 2024	KH 2025/ TH 2024
3	Giá bán						
-	Kẽm thỏi 99,95% Zn	1000đ/ tấn Sp	61.070	69.920	71.375	114,49	102,08
-	Axít H2SO4 (bán)	"	1.500	1.503	1.500	100,23	99,77
-	Tinh quặng bạc	"			32.000	-	-
-	Tinh quặng chì sulfua 50%	"	25.000	27.398	27.000	109,59	98,55
-	Tinh quặng oxit chì ~20%	"	4.400	-	6.000	-	-
-	Thiếc thỏi	"	599.522	856.533	737.600	142,87	86,11
X	Giá trị gia tăng						
1	Khấu hao tài sản	Tr.đ	38.967	38.014	39.674	97,55	104,37
2	Tổng quỹ lương	"	190.000	205.000	228.000	107,89	111,22
3	BHXH, BHYT, KPCĐ	"	19.747	18.440	20.277	93,38	109,96
4	Thuế TN+phí môi trường (trong giá thành)	"	82.428	83.177	85.996	100,91	103,39

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 880 /TMC-ĐTXD

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành sửa đổi theo Quyết định số 3133/QĐ-TMC ngày 20/9/2022 của HĐQT Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐQT ngày 13/11/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025;

HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025 xem xét thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng giá trị kế hoạch: 78.600 triệu đồng. Trong đó:

- Trả nợ khối lượng năm trước: 0 triệu đồng.
- Thực hiện đầu tư: 77.450 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư: 1.150 triệu đồng.

Cơ cấu đầu tư:

- Xây dựng: 29.430 triệu đồng.
- Thiết bị: 46.275 triệu đồng.
- Khác: 2.895 triệu đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn vay thương mại: 36.735 triệu đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 41.865 triệu đồng.

(Có biểu kế hoạch kèm theo)

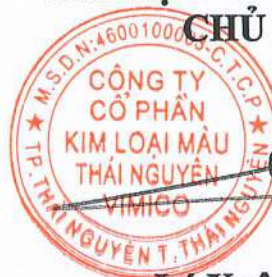
Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025 xem xét phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu: VP, P. ĐTXD, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025
Đơn vị: Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

ĐVT: Triệu đồng. Sau thuế.

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/dự kiến)	Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành, cấp Quyết định	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Giá trị trong KHĐT 2024 (bao gồm cả điều chỉnh - nếu có)	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2024 dự kiến	Đơn vị	Khối lượng	KẾ HOẠCH NĂM 2025				NGUỒN VỐN	
									Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Vốn vay TM	Vốn chủ sở hữu
										Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (A+B):								78.600	29.430	46.275	2.895	36.735	41.865
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ (A = A1 + A2)								77.450	29.430	46.275	1.745	36.735	40.715
A1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP								22.611	6.260	16.066	285	15.022	7.589
I	Dự án nhóm A													
II	Dự án nhóm B													
III	Dự án nhóm C								22.611	6.260	16.066	285	15.022	7.589
1	Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hít, xã Tân Long, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên	2021-2025	QĐ số 2388/QĐ-TMC ngày 16/08/2019 của HĐQT Công ty	23.954	6.620	8.931	DA	1	8.075	1.290	6.500	285	5.593	2.482
-	Thiết bị Tời vận thăng chở người					310	HT	1	7.990	1.290	6.500	200	5.593	2.397
-	Chi phí tư vấn giám sát								85			85		85
2	Đầu tư xây dựng nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	2024-2025	Số 501/QĐ-TMC ngày 28/02/2024 của HĐQT Công ty	10.900	5.000	5.647	DA	1	5.036	4.470	566	-	3.129	1.907
-	Gói thầu số 1: Thi công xây dựng Nhà ở tập thể và Bể nước, nhà để bơm phòng cháy								4.470	4.470			3.129	1.341
-	Gói thầu số 2: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thiết bị PCCC								566		566			566
3	Đầu tư tuyển bạc trong bùn thủy luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên	Năm 2025		9.500			DA	1	9.500	500	9.000	-	6.300	3.200
-	Xây dựng nền móng, hồ bơm, hồ vôi, bể chứa nước công nghệ								500	500				500
-	Cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ và các thiết bị phi tiêu chuẩn								9.000		9.000		6.300	2.700
A2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI								54.839	23.170	30.209	1.460	21.713	33.126
I	Dự án nhóm A													
II	Dự án nhóm B													
III	Dự án nhóm C								54.839	23.170	30.209	1.460	21.713	33.126
1	Đầu tư xây dựng bãi chứa quặng đuôi tại xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (giai đoạn 2)	Năm 2025	Số 3991/QĐ-TMC ngày 02/11/2021 của HĐQT Công ty	8.061		6.451	DA	1	1.600	1.570	-	30	-	1.600
-	Gói thầu số 3: Xây dựng công trình bãi chứa quặng đuôi giai đoạn 2								1.570	1.570				1.570
-	Gói thầu số 4: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giai đoạn 2								30			30		30
2	Dự án đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Đồn	Năm 2025		14.500		1.080	DA	1	13.000	12.500	-	500	-	13.000

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/dự kiến)	Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành, cấp Quyết định	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Giá trị trong KHBT 2024 (bao gồm cả điều chỉnh - nếu có)	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2024 dự kiến	Đơn vị	Khối lượng	KẾ HOẠCH NĂM 2025				NGUỒN VỐN	
									Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Vốn vay TM	Vốn chủ sở hữu
										Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
-	Thi công xây dựng								12.500	12.500				12 500
-	Chi phí tư vấn và khác								500			500		500
3	Đầu tư bổ sung bãi chứa đuôi thải Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích, xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (bãi thải khu vực kho mộc)	Năm 2025		3.588		358	DA	1	3.230	3.000	-	230	-	3.230
-	Thi công xây dựng bãi thải								3.000	3.000				3 000
-	Chi phí tư vấn và khác								230			230		230
4	Đầu tư mở rộng bãi chứa quặng đuôi xường tuyển Lang Hít (Bãi thải Sa Lung) - Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích	2025-2026		14.500		6.200	DA	1	2.500	2.000	-	500	-	2.500
-	Thi công san gạt mặt bằng, hệ thống rãnh đĩnh								2.000	2.000				2 000
-	Chi phí tư vấn và khác								500			500		500
5	Dự án cải tạo hệ thống PCCC Nhà tập thể 5 tầng và Nhà sinh hoạt công nhân Công ty	Năm 2025		1.850		150	DA	1	1.700	700	800	200	-	1.700
-	Cải tạo hệ thống PCCC								1.500	700	800			1 500
-	Chi phí tư vấn và khác								200			200		200
6	Đầu tư duy trì sản xuất tại Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích năm 2025	Năm 2025		7.890		-	DA	1	7.890	850	7.040	-	4.410	3.480
-	Kho vật liệu nổ công nghiệp 3 tấn khu Xóm Cúc						CT	1	850	750	100			850
-	Hệ thống bơm thoát nước mỏ (Bơm chìm LH430W-51 công suất: 30kw/380V; Qmax = 1,22m³/min; Hmax = 122m; hệ thống đường ống, cung cấp điện)						Cái	1	550	100	450		385	165
-	Quạt ly tâm QLT9000						Cái	2	200		200			200
-	Quạt hướng trục 11kw						Cái	3	300		300			300
-	Quạt hút 48000 m³/h						Cái	2	240		240			240
-	Tàu điện ắc quy 2,5 tấn CTY 2.5/6G						Bộ	2	1.500		1 500		1 050	450
-	Máy khoan thủy lực trong lò và hệ thống khí nén						Bộ	2	2.500		2 500		1 750	750
-	Máy xúc trong lò						Cái	1	1.750		1 750		1 225	525
7	Đầu tư duy trì sản xuất tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn năm 2025	Năm 2025		6.715		-	DA	1	6.715	-	6.715	-	4.701	2.015
-	Tàu điện ắc quy 2,5 tấn CTY 2.5/6G						HT	1	750		750		525	225
-	Hệ thống thiết bị xe loan chở người (tải trọng 800kg)						HT	2	1.500		1 500		1 050	450
-	Máy khoan thủy lực trong lò và hệ thống khí nén						Bộ	3	3.750		3 750		2 625	1 125
-	Máy cào vơ phục vụ đào lò						Cái	1	715		715		501	215

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/dự kiến)	Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành, cấp Quyết định	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Giá trị trong KHĐT 2024 (bao gồm cả điều chỉnh - nếu có)	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2024 dự kiến	KẾ HOẠCH NĂM 2025						NGUỒN VỐN	
							Đơn vị	Khối lượng	Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Vốn vay TM	Vốn chủ sở hữu
										Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
8	Đầu tư duy trì hoạt động Cơ quan Công ty, phân xưởng trực thuộc và Xi nghiệp Thiếc Đại Từ	Năm 2025		3.704			DA	1	3.704	50	3.654	-	2.453	1.251
-	Bơm chìm LH430W-51 (Công suất: 30kw/380V; Qmax = 1,22m ³ /min; Hmax = 122m)						Cái	1	500	50	450		350	150
-	Bơm nước (Q=50m ³ /h, H=250m)						Cái	1	454		454		318	136
-	Thiết bị văn phòng						HT	1	200		200			200
-	Trang thiết bị cấp cứu mô						HT	1	1.550		1 550		1 085	465
-	Xe quét hút bụi						Cái	1	350		350		245	105
-	Quạt roots 55kW						Cái	1	650		650		455	195
9	Đầu tư duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên năm 2025	Năm 2025		14.900		-	DA	1	14.500	2.500	12.000	-	10.150	4.350
-	Lò thiêu lớp sôi						HT	1	14.500	2 500	12 000		10 150	4 350
									1.150	-	-	1.150	-	1.150
B	KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ DỰ ÁN													
I	Dự án nhóm A													
II	Dự án nhóm B								1 150			1 150		1 150
III	Dự án nhóm C													
1	Đầu tư duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên năm 2025			14.900			DA	1	400			400		400
2	Đầu tư hệ thống lò hơi nhiệt thừa CS 8 tấn/h tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên			12.000		-	DA	1	300			300		300
3	Đầu tư đập môi trường bãi chứa thải quặng đuôi số 1 xưởng tuyển mỏ kẽm chi Chợ Điện			14.500		-	DA	1	450			450		450

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quản lý năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico báo cáo kết quả hoạt động như sau:

I. Hoạt động của Công ty năm 2024

1. Đặc điểm tình hình

a) Thuận lợi

- Công ty luôn chủ động linh hoạt trong quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cùng với tập thể CBCNV đã đồng tâm đồng sức phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất đề ra.

b) Khó khăn

- Tình hình khai thác ngày càng khó khăn do biến động của tài nguyên
- Do ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 3 (YAGI) đã gây ảnh hưởng đến việc điều hành sản xuất tại các đơn vị mỏ của Công ty trong quý IV/2024.

2. Đánh giá kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh

- Công ty đã thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, địa phương, thu nhập của người lao động đảm bảo ổn định.

- Công tác điều hành sản xuất duy trì linh hoạt phù hợp với diễn biến kinh tế trong nước và thế giới. Tiến độ giải quyết công việc cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong điều hành giải quyết công việc.

- Trong năm Công ty tiếp tục tập trung thực hiện công tác phát triển tài nguyên mỏ để đảm bảo cung ứng đủ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất đồng thời có dự phòng cho những năm tiếp theo.



Bên cạnh những thành tích đã đạt được thì vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Công tác ĐTXD chưa hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra.
- Tỷ lệ lao động quản lý của Công ty hiện nay vẫn còn khá cao.

II. Hoạt động, thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị năm 2024

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2024 đã tổ chức 14 phiên họp (trong đó 05 phiên họp thảo luận trực tiếp và 09 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản); tổ chức 01 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên, ban hành 60 Nghị quyết liên quan đến hoạt động SXKD. Về trình tự, thủ tục tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật và được thực hiện công bố thông tin đảm bảo thời gian. Trong các cuộc họp của HĐQT đã mời Trưởng ban kiểm soát và các thành viên BKS tham gia và có ý kiến liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty cũng như những chính sách, định hướng của Công ty trong quá trình sản xuất.

- HĐQT đã chỉ đạo Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành Công ty triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thường xuyên tham vấn các ý kiến của Hội đồng quản trị, giữ mối liên lạc để kịp thời điều phối hoạt động SXKD phù hợp với thực tế.

- Đánh giá hệ số bảo toàn vốn

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 1,19 lần

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,82 lần

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 32,72%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 15,88%

2. Lương, thù lao và các chế độ khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Chính sách thưởng và chi trả thù lao của HĐQT, BKS, viên chức quản lý thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 52/NQ-ĐHĐCĐ đã được thông qua cụ thể:

- Thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện trong năm với tổng giá trị 1,080 tỷ đồng (đã chi trả 748,8 triệu đồng, quyết toán với số tiền 331,2 tr.đ)

- Năm 2024, Công ty không thực hiện thưởng viên chức quản lý.

- Các chế độ của HĐQT, BKS, Ban điều hành được thực hiện theo quy định hiện hành của công ty với số tiền 3, 335 tỷ đồng và được thể hiện trên báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2024 của Công ty; báo cáo thường niên năm 2024 và được công bố thông tin theo quy định.

III. Kết quả giám sát với Ban điều hành và bộ máy quản lý Công ty

1. Các thành viên trong Ban Giám đốc có kinh nghiệm trong quản lý và điều hành, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách.

2. Giám đốc Công ty đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể cho các Phó Giám đốc, định kỳ tổ chức họp giao ban lãnh đạo để đánh giá kết quả thực hiện công việc và triển khai kế hoạch công việc tuần kế tiếp song song với đó là tổ chức các cuộc họp nghiệm thu tháng, sơ kết của tháng để đề ra những giải pháp trong SXKD.

3. Ban Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật.

4. Các cán bộ quản lý trong Công ty có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức. Có kinh nghiệm, chủ động, kịp thời tham mưu đề xuất ý kiến với Ban Giám đốc điều hành để đưa ra những quyết định phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Vốn của Chủ sở hữu tại Công ty đã được bảo toàn.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Công tác lập kế hoạch

- Tổng doanh thu dự kiến: 1.190.551 triệu đồng;
- Tổng Giá vốn + CP quản lý dự kiến: 1.126.978 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế dự kiến: 63.572 triệu đồng;
- Tổng quỹ tiền lương dự kiến: 228.000 triệu đồng;
- Lao động dự kiến: 1.321 người;
- Tiền lương bình quân dự kiến: 14,38 tr.đ/ng/tháng;
- Sửa chữa lớn dự kiến: 38.790 triệu đồng.
- Các chỉ tiêu sản phẩm sản xuất chủ yếu:
- Kẽm thỏi: 11.800 tấn;

(Trong đó: Tự sản xuất: 8.500 tấn; Gia công: 3.300 tấn)

- Axit : 19.000 tấn;
- Tinh quặng chì sunfua: 3.549 tấn;
- Thiếc thỏi: 73 tấn;
- Tinh quặng đồng: 825 tấn.
- Tinh quặng bạc: 300 tấn

2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đề ra. Tăng cường giám sát, chỉ đạo Ban điều hành từ Công ty đến các đơn vị thực hiện tốt công tác SXKD, ĐTXD, ATMT với mục tiêu tăng năng suất lao động, hiệu quả và có lợi nhuận. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính trong năm, tăng cường quản trị dòng tiền và rủi ro tài chính là ưu tiên hàng đầu đảm bảo an toàn cho hoạt động SXKD của Công ty.



- HĐQT sẽ chỉ đạo Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác phát triển tài nguyên tập trung vào các đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng các điểm mỏ hiện có của Công ty được giao quản lý. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực làm việc với các cơ quan quản lý NN để mở rộng điểm mỏ phục vụ cho SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục mở rộng phạm vi thăm dò, nâng cấp phát triển tài nguyên tại mỏ Chợ Điền, Làng Hích.

- Lập kế hoạch đào tạo cán bộ nguồn kế cận cho các ngành nghề sản xuất chính của công ty (khai thác, luyện kim) và bổ sung lực lượng lao động kỹ thuật, CNKT để phục vụ cho các đơn vị. Rà soát định biên lại lao động để đảm bảo tỷ lệ cơ cấu hợp lý theo quy định.

- Xây dựng cơ chế trả lương có sự tăng trưởng gắn với hiệu quả công việc, đặc biệt quan tâm đến đời sống tinh thần cho người lao động nhất là công nhân hầm lò.

- Tiếp tục áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cơ giới hóa mỏ hầm lò, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Ổn định công nghệ để đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật để tăng mức lương và đảm bảo lợi ích cho người lao động.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý quy chế, quy định của Công ty để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành tạo hành lang pháp lý cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Hội đồng quản trị tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của từng thành viên.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025, rất mong các Cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày một phát triển.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyền

Số: /NQ - ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Căn cứ Biên bản số...../BB-ĐHĐCĐ-TMC họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ngày/...../2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Quy chế tổ chức Đại hội, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (có tài liệu kèm theo).

Điều 2. Tán thành Báo cáo số/BC-TMC ngày/...../2025 của Công ty kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Doanh thu khoáng sản:
- Nộp ngân sách đạt;
- Lợi nhuận trước thuế;
- Tổng quỹ tiền lương;
- Tiền lương BQ;
- Tổng giá trị SCL;
- Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng:

* Sản phẩm sản xuất

- Kẽm thỏi:
- Axits sunfuaric:
- Tinh quặng chì sunfua:
- Tinh quặng chì ôxit 20%:

- Tinh quặng thiếc:
- Tinh quặng đồng:
- * *Sản phẩm tiêu thụ*
- Kẽm thỏi:
- Axit sunfuric:
- Tinh quặng chì sunfua:
- Tinh quặng chì ôxit 20%:
- Thiếc thỏi:
- Tinh quặng đồng:

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổng doanh thu:
- Nộp ngân sách:
- Lợi nhuận trước thuế:
- Tổng quỹ lương sản phẩm:
- Lao động trong kỳ:
- Tiền lương BQ:
- Tổng giá trị SCL:
- Tổng giá trị ĐTXD:
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt:%.

* *Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ*

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Kẽm thỏi	tấn		
-	<i>Kẽm thỏi sản xuất</i>	tấn		
-	<i>Kẽm thỏi gia công</i>	tấn		
2	Axit sunfuric	tấn		
3	Tinh quặng chì sunfua 50%	tấn		
4	Tinh quặng chì ôxit 20%	tấn		
5	Thiếc thỏi	tấn		
6	Tinh quặng đồng	tấn		

Điều 3. Tán thành tờ trình số/TTr-TMC ngày/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 với tổng giá trị kế hoạch là 78,60 tỷ đồng.

Điều 4. Tán thành Báo cáo số /BC-TMC ngày /4/2025 của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng quản lý năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Điều 5. Tán thành Báo cáo số /BC-TMC-BKS của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025.

Điều 6. Tán thành Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Điều 7. Tán thành việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2024
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	Đồng	
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	
-	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	Đồng	
-	LNST điều chỉnh theo KN của CQQLNN	Đồng	
-	Điều chỉnh lại LNST do đánh giá lại TSCĐ trên BCTC hợp nhất năm 2022	Đồng	
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5=3+4)	Đồng	
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt	%	
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức năm nay	Đồng	
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ (8=5-7)	Đồng	
8.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	
8.2	Quỹ thưởng Viên chức quản lý	Đồng	
8.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	
	- Quỹ khen thưởng	Đồng	
	- Quỹ phúc lợi	Đồng	
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	Đồng	

Điều 8. Tán thành thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 với tổng số tiền là 1.080 triệu đồng. Năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ đối với các thành viên HĐQT, BKS với tổng số tiền là 748,8 triệu đồng. Năm 2025 Công ty thực hiện quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 với số tiền 331,2 triệu đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát Công ty năm 2025:

TT	Chức danh	Mức lương CB để XD (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/ th	Số tháng	KH chi trả năm 2025
1	Chủ tịch HĐQT	52,00	1	20%	10.400.000	12	124.800.000
2	Thành viên HĐQT	46,00	4	20%	9.200.000	12	441.600.000
3	Trưởng BKS	46,00	1	20%	9.200.000	12	110.400.000
4	Ủy viên BKS	42,00	4	20%	8.400.000	12	403.200.000
	Cộng		10				1.080.000.000

(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng)

Điều 9. Tán thành Tờ trình số /TTr-TMC ngày /4/2025 của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Điều 10. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN; HNX; VSDC (để B/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD, Kế toán trưởng;
- Lưu: HĐQT, VP.

TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CHỦ TỊCH HĐQT

Lý Xuân Tuyên